

Số: /TTr-STTTT

Quảng Trị, ngày tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch đầu thầu Công trình: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4; Luật về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009; Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định 238/QĐ-BTTTT ngày 21/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 135/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 39/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã, phường ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BTTTT ngày 14/5/2020 của Bộ Thông tin

và Truyền thông về việc quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Kế hoạch 1595/KH-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về triển khai thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Căn cứ các Tờ trình cam kết vốn đối ứng thực hiện đầu tư đài truyền thanh xã năm 2021.

Sau khi thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở năm 2021 với những nội dung sau:

1. Tóm tắt những nội dung chủ yếu của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

a. Tên công trình: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở năm 2021.

b. Tên chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị.

c. Mục tiêu đầu tư: Dự án được đầu tư với mục tiêu phát triển mạng lưới truyền thanh cơ sở nhằm rút ngắn khoảng cách về hưởng thụ thông tin, tuyên truyền giữa các vùng miền; tăng cường tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người.

d. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT- Viễn thông mới trên địa bàn các xã Tân Long, huyện Hướng Hóa; xã Mò Ó, huyện Đakrông.

- Bổ sung các cụm thu truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT- Viễn thông cho hệ thống đài truyền thanh xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh để đảm bảo vùng phủ sóng.

đ. Địa điểm xây dựng:

- Xã Tân Long- huyện Hướng Hóa.

- Xã Vĩnh Lâm- huyện Vĩnh Linh.

- Xã Mò Ó- huyện Đakrông.

e. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý

2. Nội dung và quy mô đầu tư: (Theo phụ lục số 01 kèm theo).

Kết quả thẩm định dự toán:

- Tổng mức đầu tư đã có thuế GTGT: 683.465.000 đồng

Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng.

Trong đó:

+ Chi phí thiết bị: 647.801.000 đồng
 + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 32.141.000 đồng
 + Chi phí khác: 3.523.000 đồng

3. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG năm 2021: **500.000.000 đồng**
 - Nguồn vốn đối ứng xã Tân Long đã cam kết năm 2021: **183.465.000 đồng**

II. Kế hoạch đấu thầu

1. Phần đã thực hiện:

- Chi phí tư vấn thiết kế lập báo cáo KTKT: 18.139.000 đồng.
 - Chi phí thẩm định giá thiết bị: 6.600.000 đồng.
 - Tổng cộng phần đã thực hiện: 24.739.000 đồng

2. Phần không thực hiện đấu thầu:

- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: 3.523.000 đồng

3. Phần Kế hoạch đấu thầu:

| Stt | Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) (Bao gồm thuế GTGT) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian lựa chọn nhà thầu | Hình thức hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|-----|---|---|----------------------|---|-------------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
| 1 | Gói thầu số 1: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT | 2.200.000 | CTMT QG + xã đối ứng | Chỉ định thầu rút gọn | Thương thảo hợp đồng | Quý IV năm 2021 | Trọn gói | 15 ngày |
| 2 | Gói thầu số 2: Cung cấp và lắp đặt thiết bị | 647.801.000 | CTMT QG + xã đối ứng | Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng | Một giai đoạn, 1 túi hồ sơ | Quý IV năm 2021 | Trọn gói | 30 ngày |
| 3 | Gói thầu số 3: Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị | 5.202.000 | CTMT QG + xã đối ứng | Chỉ định thầu rút gọn | Thương thảo hợp đồng | Quý IV năm 2021 | Trọn gói | 15 ngày |
| | Tổng cộng | 655.203.000 | | | | | | |

4. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu:

a) Giá dự toán gói thầu:

- Gói thầu số 02: Được xác định trên cơ sở dự toán công trình.
- Đối với các gói thầu số 01; và gói thầu số 03: giá gói thầu được tính theo tỷ lệ % của Chi phí thiết bị (theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng).

- Dự phòng trong giá gói thầu: Do thời gian thực hiện gói thầu tương đối ngắn, dự kiến tình hình thị trường trong năm 2021 (trong khoảng thời gian thực hiện hợp đồng) không có nhiều thay đổi, dự báo không có sự biến động về giá thiết bị, giá vật liệu xây dựng nên dự phòng cho các gói thầu bằng không.

b) Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu:

Đối với các Gói thầu số 01 và số 03: là gói thầu tư vấn có giá trị <500 triệu đồng; theo Điều 54, chương V mục 1 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP thì được phép chỉ định thầu.

c) Hình thức hợp đồng:

Đối với các Gói thầu số 01 và số 03: là gói thầu tư vấn; theo Khoản 1, Điều 62 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 thì hình thức hợp đồng là trọn gói.

Vậy Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình UBND tỉnh phê duyệt để Sở Thông tin và Truyền thông có cơ sở thực hiện những bước tiếp theo (có Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án, Thẩm định Sở Thông tin và Truyền thông gửi kèm theo)./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

Nguyễn Văn Tường

PHỤ LỤC SỐ 01. QUY MÔ ĐẦU TƯ*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STTTT ngày tháng 10 năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị)*

| TT | Nội dung | Đơn vị | Khối lượng | | | |
|------------|--|---------|------------|----------|------|-----------|
| | | | Tân Long | Vĩnh Lâm | Mò Ó | Tổng cộng |
| I | Phần thiết bị phát thanh | | | | | |
| 1 | Bộ máy dựng chương trình phát thanh chuyên dụng, điều khiển quản trị phần mềm truyền thanh IP. | bộ | 1 | | 1 | 2 |
| 2 | Phần mềm bản quyền điều khiển phát sóng phát thanh qua mạng IP | bộ | 1 | | 1 | 2 |
| 3 | Cụm thu phát thanh thông minh + Phần mềm bản quyền điều khiển firmware cho cụm thu | bộ | 13 | 3 | 6 | 22 |
| 4 | Dịch vụ vận hành cụm thu phát thanh thông minh trên nền tảng hệ thống mạng, thời gian sử dụng 24 tháng | dịch vụ | 13 | 3 | 6 | 22 |
| 5 | SIM DATA 3G/4G + Thuê bao phí dịch vụ mạng 24 tháng | bộ | 13 | 3 | 6 | 22 |
| 6 | Loa phóng thanh >25W, vành nhôm | chiếc | 26 | 6 | | 32 |
| II | Phần trang thiết bị dựng chương trình phát thanh | | | | | |
| 1 | Mixer Audio 8 đường vào | bộ | 1 | | 1 | 2 |
| 2 | Micro phòng thu chuyên dụng | chiếc | 1 | | 1 | 2 |
| III | Phần trang thiết bị phụ trợ | | | | | 0 |
| 1 | Bộ cột Ø48mm, mạ kẽm cao 2m nâng chiều cao loa + bộ giá, bulong lắp đặt trên cột điện lực, nóc nhà | bộ | 13 | | 4 | 17 |
| 2 | Dây điện 2x1,5 cấp nguồn cho cụm thu và cấp tín hiệu cho loa | m | 355 | 45 | | 400 |
| 3 | Bộ dây nguồn, ổ cắm, giắc đầu nối toàn bộ hệ thống thiết bị tại phòng máy | bộ | 1 | | | 1 |
| 4 | Vận chuyển từ thiết bị đến địa điểm lắp đặt | chuyến | 1 | 1 | 1 | 3 |

